TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày: 11-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thúy Ngân
Ông Trần Văn Mé
- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Ân - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Lam T, Giới tính: Nam; Sinh ngày 22-5-2000; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lưu Hoài P, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1979; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 19-10-2017, bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 375.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa thi hành; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1979; (mẹ ruột của T, có mặt); Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.

2. Đinh Trường T1, Giới tính: Nam; Sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Xuân L, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 19-10-2017, bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa thi hành; Về nhân thân: Ngày 09-5-2016, bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 375.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", đã thi hành. Từ ngày 31-3-2017 đến

ngày 15-6-2017, T1 tham gia cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội; bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 29-12-2017 đến nay, có mặt.

3. Đinh Huỳnh Thanh T2 (tên gọi khác: Khanh), Giới tính: Nam; Sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên cha: Không rõ họ tên; Họ tên mẹ: Đinh Thị Huỳnh L, sinh năm 1952; Có vợ Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1985; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 05-12-2017, bị Công an xã T quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa thi hành. Ngày 16-3-2018, bị Ủy ban nhân dân xã T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại:
1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1954; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.
2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.
2. Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.
3. Ông Nguyễn Phước N, sinh năm 1986; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.
4. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
5. Ông Đinh Trường C, sinh năm 1992; (có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.
6. Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 11 giờ ngày 04-10-2017, Đinh Trường T1 điều khiển xe Dream không rõ biển số chở Nguyễn Lam T sinh ngày 22-5-2000 đến nhà bà Lê Thị D là bà ngoại của T ở ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để xin tiền. Khi đến nơi, do không có ai ở nhà nên T1 nằm chơi trên võng trước nhà, còn T đi xuống nhà sau, dùng đôi đũa cạy bung khoen cửa vào nhà. T đi vào phòng ngủ của bà D phát hiện con heo đất bên trong có 120.000 đồng nên T lấy tiền bỏ vào túi quần. T tiếp tục lục tủ kính kế bên thì phát hiện ở ngăn cuối có một giỏ xách màu trắng, bên trong có một bóp màu đen chứa nhiều tờ tiền đô la Mỹ và 02 túi vải màu đỏ. T mở 01 túi vải ra thì phát hiện có 02 nhẫn vàng 9999,

khối lượng mỗi chiếc 2 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 9999 khối lượng 01 chỉ. T lấy 03 chiếc nhẫn đeo vào tay rồi ôm con heo đất ra ngoài ném xuống sông sau nhà. T đi lên trước sân gặp T1 và đưa 03 chiếc nhẫn cho T1 xem, lúc này T1 biết T đã lấy cắp vàng của bà D, sau đó cả hai lên xe tẩu thoát.

Trên đường đi, T lấy 01 chiếc nhẫn vàng 9999, khối lượng 02 chỉ đeo vào tay T1 và nhờ T1 bán dùm, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe đến tiệm vàng Kim Hà H thuộc ấp T, xã T bán chiếc nhẫn trên cho anh Phan Minh Đ được 6.840.000 đồng. T cho T1 mượn 3.200.000 đồng để chuộc xe mô tô mà T1 đã cầm trước đó, số tiền và vàng còn lại T để vào bóp của T1 nhờ T1 giữ dùm. Sau đó, T1 đến tiệm vàng Kim H thuộc ấp T, xã T bán cho anh Nguyễn Phước N 01 chiếc nhẫn vàng 9999, khối lượng 01 chỉ với giá 3.400.000 đồng. T1 tiếp tục đến cửa hàng điện thoại Tuấn H mua một máy tính bảng hiệu CINK màu đen, 01 máy tính bảng hiệu LUF1 màu trắng hồng, 02 sim và 05 thẻ cào, trị giá 2.920.000 đồng, T1 đưa cho T một máy tính bảng màu trắng hồng, còn T1 giữ cái màu đen. Đến khoảng 08 giờ ngày 05-10-2017, T1 chở T đến tiệm vàng Kim B thuộc thị trấn C bán cho ông Nguyễn Văn H 01 chiếc nhẫn vàng 9999, khối lượng 02 chỉ với giá 6.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 113 ngày 27-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc kết luận: 02 nhẫn trơn vàng 9999 khối lượng 04 chỉ giá 14.000.000 đồng; 01 nhẫn trơn vàng 9999, khối lượng 01 chỉ trị giá 3.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 17.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định ngoài lần trộm cắp tài sản vào ngày 04-10-2017, Nguyễn Lam T cùng Đinh Trường T1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04-11-2017, T1 và T đang chơi tại nhà của Đinh Huỳnh Thanh T2 thuộc ấp Tân Thành, xã Tân Tập thì T2 đòi tiền T1 và T nợ trước đó. Do không có tiền trả nợ cho T2 nên cả hai bàn bạc đến nhà Nguyễn Văn T3 trộm điện thoại. T mượn xe của Trần Hùng V (N) đang để trước nhà T2 chở T1 đến nhà T3 thuộc ấp T, xã T. Đến nơi, T đứng ngoài chờ, T1 đi vào nhà, thấy T3 đang ngủ say, T1 lấy một điện thoại Samsung Galaxy A7 màu đen đang sạc pin ở đầu giường rồi đi ra ngoài. Sau đó, cả hai quay về nhà T2, T1 đưa điện thoại cho T2 xem, T2 hỏi điện thoại ở đâu mà có, T1 trả lời mới trộm được. Lúc này T2 mở điện thoại nhưng không được do điện thoại cài mật khẩu, T2 để lại trên bàn rồi đi ngủ. Đến sáng ngày 05-11-2017, T1 cầm điện thoại trộm được hỏi T2 "Giờ sao anh", T2 kêu T1 đi bán hoặc cầm để lấy tiền trả nợ cho T2. T1 đem điện thoại đến cửa hàng Nguyễn T4 (đối diện nhà T2) hỏi bán thì anh Nguyễn Văn T4 báo giá là 1.500.000 đồng. T1 quay về hỏi T2 "Máy này bán có 1.500.000 đồng, giờ sao anh?", T2 trả lời "Chuyện đó của mày, mày bán hay cầm lấy tiền trả tao". T1 tiếp tục đi qua cửa hàng Nguyễn T4 bán điện thoại trên được 1.500.000 đồng rồi đem số tiền này về trả nợ hết cho T2. T2 lấy số tiền này trả cho vợ là Nguyễn Thị Tuyết T do trước đó T2 mượn để mua phụ tùng sửa xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 08-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc kết luận: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 trị giá 5.600.000 đồng.

Qua điều tra, Cơ quan Công an đã thu giữ: 01 máy tính bảng màu đen hiệu CINK do Đinh Trường T1 giao nộp; số tiền 6.600.000 đồng do Đinh Trường C là anh ruột của T1 giao nộp để bồi thường cho anh Nguyễn Văn T3. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trao trả máy tính bảng và số tiền trên cho bà D và anh T3. Đinh Huỳnh Thanh T2 giao nộp số tiền 1.500.000 đồng, hiện đã nộp vào tài khoản chờ xử lý.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T3 đã nhận số tiền 6.600.000 đồng do gia đình T1 bồi thường nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm; bị hại Lê Thị D không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSCG ngày 12-6-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo Nguyễn Lam T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Đinh Trường T1 về tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138, Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Đinh Huỳnh Thanh T2 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Nguyễn Lam T thừa nhận ngày 04-10-2017 đã lấy trộm tài sản của bà Lê Thị D gồm 03 nhẫn trơn vàng có tổng khối lượng là 05 chỉ vàng 9999 và 120.000 đồng trong con heo đất. Bị cáo nảy sinh ý định trộm khi về nhà để xin tiền nhưng không có ai ở nhà, bị cáo và T1 không có bàn bạc hay thống nhất trước. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo có cho T1 xem và cùng nhau tiêu thụ số tài sản trên. Đinh Trường T1 xác định sau khi chở T về nhà bà ngoại của T thì T1 nằm võng trước nhà chờ T, khi T ra thì T1 biết được số vàng T đeo trên tay là do T lấy trộm của bà D, nhưng do cần tiền tiêu xài bị cáo đã cùng T tiêu thụ số tài sản trên. Sau khi bị phát hiện, bị cáo có mua 01 điện thoại giao cho T, T đồng ý rằng hai bên không còn nợ nhau. Riêng máy tính bảng màu đen bị cáo đã giao nộp cho cơ quan Công an trong quá trình điều tra. Đến ngày 04-11-2017, bị cáo và T thống nhất đi trộm điện thoại màu đen hiệu Samsung A7 của anh T3 để bán lấy tiền trả nợ cho T2. Bị cáo là người trực tiếp vào trong nhà anh T3 lấy trộm, T điều khiển xe máy đứng phía ngoài chờ, sau khi lấy được tài sản bị cáo và T về nhà T2, đưa điện thoại nhờ T2 mở khóa để bán được tiền cao hơn nhưng T2 không mở được nên giao lại cho bị cáo, lúc đó bị cáo có nói cho T2 biết điện thoại có được do lấy trộm, sau đó, vì đã khuya nên bị cáo và T ngủ lại ở nhà T2, đến sáng hôm sau, bị cáo có hỏi thì T2 nói muốn bán hay cầm thì tùy, miễn có tiền trả T2 nên bị cáo đem qua tiệm điện thoại đối diện bán được 1.500.000 đồng, giao hết số tiền này cho T2. T xác định có cùng T1 đi trộm điện thoại của anh T3. Đinh Huỳnh Thanh T2 xác định biết rõ số tiền 1.500.000 đồng T1 đưa cho T2 có được là do T1 bán điện thoại trộm vào tối ngày 04-11-2017 nhưng do cần tiền để trả tiền cho vợ bị cáo nên bị cáo đã nhận số tiền trên, vợ bị cáo không biết nguồn gốc của số tiền này chỉ biết là số tiền T1 và T trả nợ.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng có được do bán điện thoại trộm mà bị cáo T2 giao nộp, anh C là anh của bị cáo T1 đề nghị nhận lại số tiền này, vì anh là người trực tiếp đã bồi thường giá trị điện thoại cho anh T3.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; các điều 20, 33, 45, 53, 68, 69, 71, 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Lam T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; các điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Đinh Trường T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ Khoản 1 Điều 250; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; các điều 33, 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Đinh Trường T1 từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt đối với Đinh Trường T1 từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù. Căn cứ Khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46; các điều 47, 33, 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Đinh Huỳnh Thanh T2 từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị giao trả số tiền 1.500.000 đồng cho anh Đinh Trường C.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Bà Nguyễn Thị Cẩm L là mẹ ruột của bị cáo T cho rằng trong thời gian gần đây T đã có nhiều thay đổi, lo đi làm nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho T được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát xác định T không đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T, T1 nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T2 không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2018), các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi hơn cho các bị cáo nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án này.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 04-10-2017, T đã phá khóa nhà bà D ở ấp Tân Quí, xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, vào lấy trộm 03 chiếc nhẫn trơn vàng 9999, tổng khối lượng là 05 chỉ, trị giá 17.500.000 đồng và 120.000 đồng trong con heo đất của bà D. Mặc dù biết rõ T trộm tài sản của bà D nhưng T1 vẫn cùng T đem bán số nhẫn vàng trên, cùng nhau tiêu xài. Hành vi của T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, hành vi của T1 cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đến ngày 04-11-2017, sau khi bàn bạc thống nhất, T chở T1 xuống nhà Nguyễn Văn T3 ở ấp Tân Chánh, xã Tân Tập, T1 vào trong lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 trị giá 5.600.000 đồng của anh T3. Sau đó, T1 đem bán được 1.500.000 đồng, T1 đưa toàn bộ số tiền này cho Đinh Huỳnh Thanh T2. Mặc dù biết rõ số tiền này có được do T1 bán điện thoại T1 và T vừa trộm trước đó nhưng vì cần tiền giao cho vợ T2 vẫn nhận. Hành vi của T và T1 đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, hành vi của T2 cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, đều từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo T thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm p Khoản 1 Điều 46); các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cụ thể: bị cáo T1 đã tự nguyện giao nộp 01 máy tính bảng màu đen và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo T đã trả lại máy tính bảng và số tiền còn lại cho bà D, mẹ bị cáo T cũng đã bồi thường thiệt hại cho bà D, bị cáo T2 đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.500.000 đồng đã nhận từ T1 (điểm b Khoản 1 Điều 46); bị cáo T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm h Khoản 1 Điều 46); các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 và T (Khoản 2 Điều 46); bị cáo T1 là con thương – bệnh binh (Khoản 2 Điều 46). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bà D, anh T3 mà còn xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự

quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi khi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng để đáp ứng nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Sau khi hành vi trộm cắp tài sản của bà D bị phát hiện, trong quá trình chờ giải quyết, T và T1 lại tiếp tục trộm cắp tài sản của anh T3, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật của T và T1. Trong vụ trộm cắp tài sản của anh T3, T1 và T có bàn bạc, thống nhất trước rồi cùng đi trộm, nên xác định T1 và T là đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau. T thực hiện hành vi phạm tội khi đã đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi xem xét lượng hình cho T. Đối với T1, T2, khi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, T1 cho rằng đó là tài sản T lấy của bà ngoại T nên cùng T sử dụng, T2 cho rằng số tiền T1 đưa cho T2 là tiền mà T1 và T trả nợ cho T2 mặc dù biết số tiền đó có được do bán tài sản trộm, cho thấy các bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về tính nguy hiểm của hành vi mà bản thân thực hiện, hành vi có tính chất đơn giản, các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 46 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T2 và T1. Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo không đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[6] Về vật chứng: Các vật chứng thu được trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật. Đối với số tiền 1.500.000 đồng Đinh Huỳnh Thanh T2 giao nộp, thấy rằng anh C đã bồi thường thiệt hại cho anh T3 với số tiền 6.600.000 đồng là giá trị điện thoại T1, T trộm của anh T3, số tiền 1.500.000 đồng là tiền T1 bán điện thoại trộm có được rồi giao cho T2, nên đề nghị của anh Của và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trả số tiền 1.500.000 đồng này cho anh C.

[7] Về dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T4, Phan Minh Đ, Nguyễn Phước N, Nguyễn Thị Tuyết T là những người đã có hành vi tiêu thụ tài sản do các bị cáo trộm mà có, tuy nhiên khi nhận các tài sản trên những người này không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lam T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đinh Trường T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo Đinh Huỳnh Thanh T2 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; các điều 20; 33; 45; 53; 68; 69; 71; 74 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lam T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 250; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; 45 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đinh Trường T1 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29-12-2017.

Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; các điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đinh Trường T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29-12-2017.

Căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, xử phạt Đinh Trường T1 tổng cộng 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29-12-2017.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam Đinh Trường T1 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 47; các điều 33; 45 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đinh Huỳnh Thanh T2 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Giao trả cho anh Đinh Trường C số tiền 1.500.000 đồng mà Đinh Huỳnh Thanh T2 đã giao nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16-5-2018.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc: Đinh Trường T1, Nguyễn Lam Trường, Đinh Huỳnh Thanh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm, các bị cáo, người giám hộ bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An